

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 học kỳ 2 năm học 2024-2025 của Trung tâm GDTX – NN, TH tỉnh

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị Định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ năm 2025 về việc Quy định chính sách cho trẻ em, học sinh, học viên ở vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và cơ sở Giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-SGDĐT ngày 07/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng thông báo về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt số lượng, danh sách học sinh, học viên thuộc đối tượng hưởng chế độ, chính sách theo NĐ 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ năm 2025

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai học viên được hỗ trợ chi phí học tập Học kỳ 2 năm học (2024-2025) theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ năm 2025 tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên-Ngoại ngữ, tin học tỉnh (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên Trung tâm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban GD (để chỉ đạo);
- Sở GDĐT;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Ánh

S T T	Họ và tên	Dân tộc	Lớp	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được nhận	Số tài khoản	Tên ngân hàng
1	Lương Hoa Vy	Thái	10B1	22/04/2009	936.000	360.000	5	6.480.000	8825161886	BIDV
2	Hoàng Tú Nhi	Tày	10B2	06/10/2009	936.000	360.000	5	6.480.000	398428706	Vietinbank
3	Hoàng Tuấn Vũ	Tày	10B2	28/08/2008	936.000	360.000	5	6.480.000	3333087548	Vietcombank
4	Nông Hương Ly	Tày	10B2	12/12/2009	936.000	360.000	5	6.480.000	2441587090171	MB Bank
5	H' Sờ	M'Nông	10B4	24/08/2009	936.000	360.000	5	6.480.000	0353880340	MB Bank
6	Ma Thị Tình	Tày	10B4	25/07/2009	936.000	360.000	5	6.480.000	Hoàn trả tiền lại vào NSNN	
7	Giàng Thị May Sao	Mông	11A4	01/03/2005	936.000	360.000	5	6.480.000	0346769280	MB Bank
8	Linh Hải Huyền	Tày	11A2	07/09/2008	936.000	360.000	5	6.480.000	060707092008	MB Bank
9	Giàng Thị Giương	Mông	11A2	19/09/2006	936.000	360.000	5	6.480.000	8827169201	BIDV
10	Chê Kim Phương	Hoa	11A2	19/05/2008	936.000	360.000	5	6.480.000	2386044692	Vietcombank
11	Đặng Thị Viễn	Dao	11A2	14/03/2008	936.000	360.000	5	6.480.000	2921403208	MB Bank
12	Vừa A Phông	Mông	11A3	05/08/1999	936.000	360.000	5	6.480.000	511201371100001	Nam A Bank
13	Vàng Thị Mao	Mông	11A3	07/04/2008	936.000	360.000	5	6.480.000	1050128013	Vietcombank
14	Thào Văn Bảo	Mông	11A3	23/01/2007	936.000	360.000	5	6.480.000	1039672781	Vietcombank
15	Hồ Đức Nhật	Hoa	12A2	13/03/2007	936.000	360.000	5	6.480.000	8880070848	BIDV
16	Giàng A Quảng	Mông	12A2	06/04/2005	936.000	360.000	5	6.480.000	1035936044	Vietcombank
17	Phùng Văn Ân	Dao	12A3	22/03/2007	936.000	360.000	5	6.480.000	1059942132	Vietcombank
18	Lênh Phúc Sênh	Hoa	12A3	19/04/2007	936.000	360.000	5	6.480.000	109877419036	ViettinBank
19	Đặng Văn Nghĩa	Dao	12A3	25/03/2007	936.000	360.000	5	6.480.000	106876196701	ViettinBank
20	Ngũ Hồng Quân	Hoa	12A3	24/07/2005	936.000	360.000	5	6.480.000	100876887384	ViettinBank
21	Bản Thanh Tùng	Dao	12A3	03/02/2007	936.000	360.000	5	6.480.000	7220067229	Techcombank
22	Hàng A Quý	H' Mông	12A3	02/02/2005	936.000	360.000	5	6.480.000	0332271423	MB Bank
23	Giàng Thị Nù	H' Mông	12A3	19/12/2007	936.000	360.000	5	6.480.000	104882966119	ViettinBank
24	Hạng Thị Cú	H'Mông	12A3	23/09/2006	936.000	360.000	5	6.480.000	1395877172	Vietcombank
25	Lang Văn Hào	Thái	12A3	18/06/2007	936.000	360.000	5	6.480.000	4918699999	Techcombank
26	Hàng Thị Dưa	H'Mông	12A3	24/06/2006	936.000	360.000	5	6.480.000	0374982402	Vietinbank
27	Cư Văn Tính	H'Mông	12A3	25/06/2006	936.000	360.000	5	6.480.000	0348652306	MB Bank
28	K' Mạn	Mạ	12A3	30/09/2007	936.000	360.000	5	6.480.000	1060013143	Vietcombank
29	Hạng Thị Lang	H'Mông	12A3	01/01/2005	936.000	360.000	5	6.480.000	1344723240	Vietcombank

30	Hoàng Thị Thu Hiền	Nùng	12A3	20/11/2007	936.000	360.000	5	6.480.000	5493205433756	Agribank
31	Tô Trọng Bình	Nùng	12A3	04/12/2007	936.000	360.000	5	6.480.000	00041220079286	MB Bank
32	Vừ Thị Khóa	Mông	12A3	07/02/2006	936.000	360.000	5	6.480.000	104882966051	ViettinBank
33	Hầu Thị Đâu	Mông	12A3	20/06/2006	936.000	360.000	5	6.480.000	102884321236	ViettinBank
34	Trương Thị Mai	H'Mông	12A3	11/05/2006	936.000	360.000	5	6.480.000	1868188562	MB Bank
35	Mùa Thị Cá	Mông	12A3	17/10/2007	936.000	360.000	5	6.480.000	102882966053	ViettinBank
36	Hàng Thị Chiều	H'Mông	12A3	16/06/2007	936.000	360.000	5	6.480.000	05147	OCB
37	Nông Thị Nguyệt	Nùng	12A3	09/06/2007	936.000	360.000	5	6.480.000	2111223344	HD bank
38	H' Noen	Mạ	12A3	27/02/2006	936.000	360.000	5	6.480.000	57752966778899	MB Bank
39	Giàng A Tuấn	Mông	12A3	01/04/2006	936.000	360.000	5	6.480.000	1352692132	Vietcombank
Tổng cộng								252.720.000		